

Mẫu số 07
Mã hiệu:.....
Số:.....

BẢNG KÊ NỘI DUNG THANH TOÁN/TẠM ỨNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán số: 96 ngày 26 tháng 12 năm 2025)

Đơn vị sử dụng Ngân sách: Trường mầm non Thanh Trường
Mã đơn vị: 1029787
Mã nguồn: 18
Mã CTMTQG, Dự án ODA....

Thanh toán trực tiếp: ☐ x
Tạm ứng: ☐
Thu hồi tạm ứng: ☐

STT	Hóa đơn		Chứng từ		Mã NDKT	Nội dung chi	Số tiền			
	Số	Ngày/ tháng năm	Số	Ngày/ tháng năm			Số lượng	Định mức	Đơn giá thực tế thành tiền	Thành tiền
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	(11=8*10)
1			01	17/12/2025	6201	Chuyển tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của chính phủ có 10 người HTXSNV năm học 2024 - 2025: Định mức 3,0 x 4.085.715 đ = 12.257.145 đ	10	12.257.145	12.257.145	122.571.450
2			01	17/12/2025	6201	Chuyển tiền thưởng theo NĐ 73/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2021 của chính phủ có 30 người HTTNV năm học 2024 - 2025 : Định mức 2,5 x 4.085.715 đ = 10.214.287 đ	30	10.214.287	10.214.285	306.428.550
Tổng số tiền bằng số:										429.000.000

Tổng số tiền viết bằng chữ: (Bốn trăm hai chín triệu đồng chẵn).
Trong đó số thu hồi tạm ứng:.....Số thanh toán: (Bốn trăm hai chín triệu đồng chẵn).

Điện Biên Phủ, ngày 26 tháng 12 năm 2025

Kế toán trưởng

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phạm Thị Vân Anh

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Kiều Thanh Huyền

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỔI TƯỢNG THU HƯỞNG

(Kèm theo Giấy rút dự toán số 96 ngày 26 tháng 12 năm 2025)

Tài khoản dự toán: ☒ X Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: Trường mầm non Thanh Trường
2. Mã đơn vị: 1029787
3. Tài khoản thanh toán của đơn vị: 125000118157; mở tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Điện Biên
I. Nội dung đề nghị thanh toán: Chuyển thưởng ND 73/2024/ND-CP năm 2025

L. Nội dung đề nghị thanh toán: Chuyển thưởng ND 73/2024/ND-CP năm 2025

(Đơn vị: Đồng)

Stt	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:						Ghi chú	
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng ND 73/2024/ND-CP	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán công tác phí		Tiền học bổng
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Tổng số			429.000.000	0		0	429.000.000	0	0	0	
1	Kiều Thanh Huyền	105869838868	Vietinbank DB	12.257.145				12.257.145				
2	Phạm Thị Hiền	105859426666	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
3	Nguyễn Thu Hà	100005987845	Vietinbank DB	12.257.145				12.257.145				
4	Lê Thị Kim Oanh	102869338868	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
5	Trần Thị Anh	107879467846	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
6	Phạm Thị Nhân	105605868696	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
7	Đặng Thị Dinh	102879467892	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
8	Đặng Thị Hậu	104868228868	Vietinbank DB	12.257.145				12.257.145				
9	Dương Thị Thu Hiền	102896338868	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
10	Nguyễn Thị Năm	103802828886	Vietinbank DB	12.257.145				12.257.145				
11	Lê Thị Hoa	103846858686	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
12	Đào Thị Lai	101884116888	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
13	Nguyễn Thanh Tâm	102623012018	Vietinbank DB	12.257.145				12.257.145				
14	Vàng Thị Kim Hoir	108842828688	Vietinbank DB	12.257.145				12.257.145				
15	Bùi Thị Hương	108699011089	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
16	Đặng Thị Hoa	105688110786	Vietinbank DB	12.257.145				12.257.145				
17	Bê Thị Thân	100698989988	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
18	Bạc Thị Thanh	109875477387	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
19	Thái Thị Tuất	107879467943	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
20	Lò Thị Hưng	102899448686	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
21	Nguyễn Thị Tuyết Chinh	103626112008	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
22	Nguyễn Thị Biên	101887118868	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
23	Nguyễn Thị Hoa	103621442013	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
24	Đào Thị Tuyết	102696868699	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
25	Thùng Thị Quy	109866100886	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				

(Đơn vị: Đồng)

Stt	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:							Ghi chú
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương	Tiền công lao động theo hợp đồng	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng NĐ 73/2024/NĐ-CP	Tiền phụ cấp và trợ cấp khác	Tiền khoán công tác phí	Tiền học bổng	
(1)	(2)	(3)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
26	Đoàn Thị Thủy	109612061989	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
27	Cà Thị Hiền	103699050193	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
28	Hà Thu Hiền	102689899988	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
29	Nguyễn Thị Lanh	108688868687	Vietinbank DB	12.257.145				12.257.145				
30	Phạm Thị Thủy Mơ	103614051979	Vietinbank DB	12.257.145				12.257.145				
31	Lò Thị Thư	101873855532	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
32	Vũ Thị Rồi	105698988899	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
33	Nguyễn Thị Hoài	109614121985	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
34	Quảng Thị Yên	104879468165	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
35	Vũ Thị Thảo	101006903808	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
36	Vì Thị Hồng	105879468234	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
37	Lai Thị Định	109883103484	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
38	Lò Thị Khánh	100880660269	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
39	Lê Hoàn	100879468023	Vietinbank DB	10.214.285				10.214.285				
40	Phạm Thị Vân Anh	102832338868	Vietinbank DB	12.257.145				12.257.145				

Tổng số tiền bằng chữ: Bón trăm hai chín triệu đồng chẵn./.

Người lập

Phạm Thị Vân Anh

Kế toán trưởng

Phạm Thị Vân Anh
KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 26 tháng 12 năm 2025



Ngày tháng năm 202

Giám đốc KBNN cáo tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng
được ủy quyền/Giám đốc KBNN quân, huyện

Chuyên viên kiểm soát chi/Giao dịch viên